

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2023/HS-PT

Ngày: 02-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán:

+ Ông Phạm Văn Tâm;

+ Ông Hồ Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mai Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 78/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Văn B, Trang Hoàng S, Trần Trọng H, Nguyễn Thị TH, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 33/2023/HS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn B, sinh năm 1962, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, thị trấn B1, huyện B2, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); Chị, em ruột: 04 người; Vợ: Huỳnh Thị Tuyết H; Con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt.

2. Trang Hoàng S, sinh năm 1984, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp A1, xã A2, huyện B2, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trang Hoàng G và bà Trần Thị T; Anh, em ruột: 05 người; Vợ: Võ Thị Kim T; Con: Có 02 người, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt.

3. Trần Trọng H, sinh năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quốc L và bà Võ Thị P; Anh, chị ruột: 02 người; Vợ, con: Chưa có; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt.

4. Nguyễn Thị TH, sinh năm 1991, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, thị trấn A2, huyện B2, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T và bà Lê Thị X (chết); Anh, chị ruột: 05 người; Chồng: Trần Quốc T; Con: Có 01 người, sinh năm 2016; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn B:* Ông Nguyễn Văn Đ - Luật sư Công ty Luật TNHH Risk Free - Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị TH:*

Bà Phạm Thị Kim D - Luật sư Chi nhánh Văn phòng Luật sư Hằng Nguyễn - Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự.*

1. Cục Thuế tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn Lợi - Chức vụ: Cục trưởng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Chức vụ: Phó Chi Cục trưởng Chi cục thuế khu vực Gò Dầu - Trảng Bàng - Bến Cầu. (Vắng mặt).

2. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang Khải - chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thuận - Chức vụ: Kế toán trưởng. (Vắng mặt).

3. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh Bến Cầu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn Cước - Chức vụ: Giám đốc. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh Bến Cầu (gọi tắt là: Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu) được thành lập theo Quyết định số 394/QĐSTNMT ngày 16/01/2015 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh, đơn vị trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng, chịu sự chỉ đạo về chuyên môn và trực tiếp quản lý của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh. Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu có nhiệm vụ chỉnh lý bản đồ, đo đạc, trích lục bản đồ địa chính trên địa bàn, được giao quản lý thu nộp phí, lệ phí. Chi nhánh quản lý nguồn thu của đơn vị theo quy định của pháp luật và quy chế. Khi khách hàng có yêu cầu đo đạc thì ký hợp đồng với Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu, do Giám đốc Trần Văn B trực tiếp ký với khách hàng. Nhân viên thu tiền lập hóa đơn bán hàng, khách hàng cần đo đạc ký tên bên mua hàng, Giám đốc Trần Văn B ký tên bên bán hàng, nhân viên thu tiền và giữ tiền, gửi hóa đơn bán hàng và danh sách cho kế toán, kế toán lập chứng từ gửi tiền mặt vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bến Cầu, số tiền này hàng tháng báo cáo quyết toán với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh. Theo quy chế quản lý tài chính và định mức chi tiêu nội bộ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, vào cuối tháng các Chi nhánh tổng hợp, báo cáo và nộp 30 % số thu về Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, được giữ lại tại Chi nhánh 70 % để làm kinh phí hoạt động. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh nộp thuế cho Cục thuế tỉnh Tây Ninh 10 % còn 20 % giữ lại. Việc thực hiện quyết toán thu, nộp tiền của năm trước giữa Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh được thực hiện trước ngày 31 tháng 3 của năm sau. Hằng năm, Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu có lập hồ sơ, báo cáo quyết toán thu, nộp tiền dịch vụ đo đạc với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh.

Trần Văn B với vai trò là Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu, vào thời điểm cuối năm 2017, các năm 2018, 2019 và đầu năm 2020, Bản đã chỉ đạo sử dụng tiền thu dịch vụ đo đạc để chi cho một số nội dung không đúng quy chế, quy định nên không quyết toán được, như: Chi hỗ trợ cán bộ đi học, tổ chức tiệc tiền cán bộ nghỉ hưu, chuyển công tác, tiếp các đoàn đến thăm và làm việc, mua bánh mứt, nước trong dịp Tết cổ truyền ..., đã dẫn đến mất cân đối số tiền được sử dụng và thiếu hụt tiền trong việc phải quyết toán với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh. Từ đó, Trần Văn B chỉ đạo Trang Hoàng S là kế toán, Trần Trọng H là nhân viên thu tiền không đưa vào hoặc đưa vào sổ sách ít hơn số tiền đã thu của khách hàng, để lấy tiền bù lại số tiền đã sử dụng không quyết toán được. Trần Trọng H thu tiền của khách hàng, sau đó H lập danh sách và gửi danh sách cùng hóa đơn bán hàng cho Trang Hoàng S. Trang Hoàng S lập lại danh sách khác ít tiền hơn danh sách mà H đã

giao cho S, S không đưa vào sổ sách hoặc đưa vào sổ sách và báo cáo số tiền ít hơn số tiền thực thu của khách hàng, đồng thời lập phiếu thu tổng số tiền trong tháng có chữ ký của Trần Văn B là thủ trưởng đơn vị, Trang Hoàng S là kế toán cũng là người lập phiếu, Trần Trọng H là người nộp và Nguyễn Thị TH là thủ quỹ để báo cáo cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh. Nguyễn Thị TH được phân công làm thủ quỹ nhưng không thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu, lập sổ sách theo dõi quản lý thu, chi số tiền đo đạc của đơn vị, cùng thực hiện việc chi tiền cho một số nội dung không quyết toán được. Từ năm 2017 đến đầu năm 2020, Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu không đưa vào sổ sách và danh sách báo cáo quyết toán 45 trường hợp với số tiền 76.880.393 đồng (trong đó năm 2020 số tiền 2.574.000 đồng), đưa vào sổ sách và danh sách báo cáo quyết toán số tiền ít hơn số tiền thu của khách hàng 65 trường hợp với số tiền là 41.636.204 đồng (trong đó năm 2020 số tiền 829.000 đồng). Tổng cộng từ năm 2017 đến năm 2020 là 118.516.597 đồng, cụ thể:

- Năm 2017, tổng cộng có 32 trường hợp, do hết hóa đơn bán hàng, thu bằng phiếu thu, không đưa vào báo cáo số tiền 27.964.393 đồng;

- Năm 2018, tổng cộng có 09 trường hợp, trong đó 05 trường hợp không đưa vào báo cáo và 04 trường hợp đưa vào báo cáo số tiền ít hơn số tiền đã thu. Tổng cộng 42.187.204 đồng;

- Năm 2019, tổng cộng có 63 trường hợp, trong đó 05 trường hợp không đưa vào báo cáo và 58 trường hợp đưa vào báo cáo số tiền ít hơn số tiền đã thu. Tổng cộng 44.962.000 đồng;

- Năm 2020, tổng cộng có 06 trường hợp, trong đó 03 trường hợp không đưa vào báo cáo và 03 trường hợp đưa vào báo cáo số tiền ít hơn số tiền đã thu. Tổng cộng 3.403.000 đồng.

* Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực kế toán, tài chính số 05/KL-STC ngày 29/4/2022 của Sở Tài chính: Việc thu, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đối với 110 bộ chứng từ thu tiền dịch vụ đo đạc của 110 trường hợp vào năm 2017, 2018, 2019 và năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh Bến Cầu sai quy định với tổng số tiền là 115.114.597 đồng, gồm:

- Năm 2017: 27.964.393 đồng;
- Năm 2018: 42.187.204 đồng;
- Năm 2019: 44.962.000 đồng;
- Năm 2020: 1.000 đồng.

Bị cáo Trần Văn B và Trần Trọng H đã nộp lại số tiền 117.458.939 đồng (Trong đó, ông B nộp 110.000.000 đồng và H 7.458.939 đồng), hiện đang tạm giữ theo quy định.

Đại diện Cục thuế tỉnh Tây Ninh, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh Bến Cầu trình bày, việc các cá

nhân của đơn vị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh Bến Cầu không đưa vào hoặc đưa vào sổ sách ít hơn số tiền thực thu của khách hàng khi quyết toán với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh là gây thiệt hại cho các đơn vị này. Do đó, Cục thuế tỉnh Tây Ninh yêu cầu bồi thường số tiền 11.511.360 đồng; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh yêu cầu bồi thường số tiền 23.022.719 đồng và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh- Chi nhánh Bến Cầu yêu cầu bồi thường số tiền 80.579.518 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Số tiền 117.458.939 đồng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 33/2023/HS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn B, Trang Hoàng S, Trần Trọng H, Nguyễn Thị TH phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 41, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trang Hoàng S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Trang Hoàng S đảm nhiệm chức vụ Kế toán 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

- Căn cứ điểm b khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 41, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Trọng H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Trần Trọng H đảm nhiệm chức vụ nhân viên thu tiền 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

- Căn cứ điểm b khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 41, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị TH 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị TH đảm nhiệm chức vụ thủ quỹ 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền

kháng cáo.

Các bị cáo Trần Văn B, Trang Hoàng S, Trần Trọng H, Nguyễn Thị TH có đơn kháng cáo, nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị:

- Đối với bị cáo Trần Văn B: Bị cáo là giám đốc chi nhánh chịu trách nhiệm mọi hoạt động của đơn vị, nhưng bị cáo lại chỉ đạo cấp dưới thực hiện không đúng nguyên tắc, sử dụng nguồn kinh phí không đúng quy định gây thiệt hại cho đơn vị và ngân sách Nhà nước. Xét thấy cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật, không oan, không nhẹ. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo:

- Đối với các bị cáo Trang Hoàng S, Trần Trọng H, Nguyễn Thị TH là đồng phạm giúp sức, bị lệ thuộc, thực hiện hành vi phạm tội dưới sự chỉ đạo của bị cáo Bồn. Xét thấy các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-3-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bồn; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo S, H, TH. Cho các bị cáo S, H, TH được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, Người bào chữa cho bị cáo Bồn trình bày: Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát, tuy nhiên bị cáo Bồn có bổ sung tài liệu chứng minh việc thực hiện công tác xã hội trong thời gian chống dịch; bị cáo Bồn có quá trình cống hiến lâu dài, đến tuổi nghỉ hưu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bồn, cho bị cáo Bồn được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, Người bào chữa cho bị cáo TH trình bày: Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát, bị cáo TH cũng nhận thức được hành vi sai phạm của mình. Mặt khác bị cáo TH đang nuôi con nhỏ, mong Hội đồng xét xử đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo TH để có quyết định thấu tình đạt lý.

Các bị cáo không tranh luận

Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

+ Bị cáo Bồn: Bị cáo có quá trình cống hiến lâu dài, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, bản thân có nhiều bệnh và đã đến tuổi nghỉ hưu. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để trị bệnh và có thời gian sống bên gia đình.

+ Bị cáo S: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện nuôi cha, mẹ già và sửa chữa lỗi lầm.

+ Bị cáo H: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc cha, mẹ già

+ Bị cáo TH: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng: Hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh Bến Cầu (gọi tắt là: Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu) được thành lập theo Quyết định số 394/QĐSTNMT ngày 16/01/2015 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh, đơn vị trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng, chịu sự chỉ đạo về chuyên môn và trực tiếp quản lý của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh. Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu có nhiệm vụ chỉnh lý bản đồ, đo đạc, trích lục bản đồ địa chính trên địa bàn, được giao quản lý thu nộp phí, lệ phí. Chi nhánh quản lý nguồn thu của đơn vị theo quy định của pháp luật. Theo quy chế quản lý tài chính và định mức chi tiêu nội bộ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, vào cuối tháng các Chi nhánh tổng hợp, báo cáo và nộp 30 % số thu về Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, được giữ lại tại Chi nhánh 70 % để làm kinh phí hoạt động.

Trần Văn B với vai trò là Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu, vào thời điểm cuối năm 2017, các năm 2018, 2019 và đầu năm 2020, Bôn đã chỉ đạo sử dụng tiền thu dịch vụ đo đạc để chi cho một số nội dung không đúng quy chế, quy định nên không quyết toán được, như: Chi hỗ trợ cán bộ đi học, tổ chức tiệc tiễn cán bộ nghỉ hưu, chuyển công tác, tiếp các đoàn đến thăm và làm việc, mua bánh mứt, nước trong dịp Tết cổ truyền ..., đã dẫn đến mất cân đối số tiền được sử dụng và thiếu hụt tiền trong việc phải quyết toán với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh. Từ đó, Trần Văn B chỉ đạo Trang Hoàng S là kế toán, Trần Trọng H là nhân viên thu tiền không đưa vào hoặc đưa vào sổ sách ít hơn số tiền đã thu của khách hàng, để lấy

tiền bù lại số tiền đã sử dụng không quyết toán được. Trần Trọng H thu tiền của khách hàng, sau đó H lập danh sách và gửi danh sách cùng hóa đơn bán hàng cho Trang Hoàng S. Trang Hoàng S lập lại danh sách khác ít tiền hơn danh sách mà H đã giao cho S, S không đưa vào sổ sách hoặc đưa vào sổ sách và báo cáo số tiền ít hơn số tiền thực thu của khách hàng, đồng thời lập phiếu thu tổng số tiền trong tháng có chữ ký của Trần Văn B là thủ trưởng đơn vị, Trang Hoàng S là kế toán cũng là người lập phiếu, Trần Trọng H là người nộp và Nguyễn Thị TH là thủ quỹ để báo cáo cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh. Nguyễn Thị TH được phân công làm thủ quỹ nhưng không thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu, lập sổ sách theo dõi quản lý thu, chi số tiền đo đạc của đơn vị, cùng thực hiện việc chi tiền cho một số nội dung không quyết toán được. Từ năm 2017 đến đầu năm 2020, Văn phòng đăng ký đất đai Bến Cầu không đưa vào sổ sách và danh sách báo cáo quyết toán 45 trường hợp với số tiền 76.880.393 đồng (trong đó năm 2020 số tiền 2.574.000 đồng), đưa vào sổ sách và danh sách báo cáo quyết toán số tiền ít hơn số tiền thu của khách hàng 65 trường hợp với số tiền là 41.636.204 đồng (trong đó năm 2020 số tiền 829.000 đồng). Tổng cộng từ năm 2017 đến năm 2020 là 118.516.597 đồng. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Bôn, S, H, TH về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất vụ án:

Các bị cáo là những người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan nhà nước, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Bị cáo Bôn, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng với vai trò người chủ mưu, bị cáo S là người theo sự chỉ đạo của bị cáo Bôn trực tiếp thực hiện; các bị cáo H, TH phạm tội với vai trò là người giúp sức, bị lệ thuộc; Các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi thực hiện là trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi đã thực hiện.

Hành vi của các bị cáo Trần Văn B, Trang Hoàng S, Trần Trọng H, Nguyễn Thị TH là nguy hiểm cho xã hội, với nhiệm vụ được giao nhưng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn trong quản lý nhà nước, gây thiệt hại cho cơ quan, ngân sách Nhà nước số tiền 118.516.597 đồng.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Trần Văn B đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường thiệt hại; là người có thành tích xuất sắc trong công tác (được tặng 30 năm tuổi đảng, kỷ niệm chương vì sự nghiệp kiểm tra của đảng, có thành tích trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2008 và khen thưởng thành tích trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII); mặc dù bị cáo không thừa nhận phạm tội theo quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trang Hoàng S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có cha ruột được tặng thưởng “Huân chương quyết thắng hạng I”, “Huân chương kháng chiến hạng ba”, “Huy chương vì sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân”; mẹ ruột được tặng “Bằng khen có nhiều thành tích đóng góp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ”; bị cáo có nguyện vọng nộp lại tiền để khắc phục một phần hậu quả nhưng bị cáo Bôn và H đã nộp đủ và không yêu C bị cáo trả lại nên bị cáo không nộp được. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trần Trọng H đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường thiệt hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có cha ruột là “Thương binh 3/4” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Thị TH: Bị cáo thành khẩn khai báo; tại phiên tòa bị cáo có nguyện vọng nộp lại một khoản tiền để khắc phục một phần hậu quả và có cha ruột là “Thương binh 4/4”; được tặng “Huy chương kháng chiến hạng nhì” được tặng Bằng khen: “Đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua cự chiến binh gương mẫu năm 2020”; “Là người có công với cách mạng tiêu biểu, gương mẫu vượt khó vươn lên trong cuộc sống, tích cực tham gia các hoạt động xã hội”; “Đã có thành tích hoàn thành tốt công tác Mặt trận năm 2020”; “Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Toà án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Trần Văn B 01 năm 03 tháng tù; Trang Hoàng S 01 năm tù, Trần Trọng H 09 tháng tù, Nguyễn Thị TH 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo:

Đối với bị cáo Trần Văn B là người đứng đầu, chủ mưu chỉ đạo cấp dưới thực hiện hành vi phạm tội, phạm tội trường hợp phạm tội nhiều lần. Nên không thoả mãn các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-3-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Đối với các bị cáo Trang Hoàng S, Trần Trọng H và **bị cáo** Nguyễn Thị TH là người thực hiện với vai trò thứ yếu, bị lệ thuộc theo sự chỉ đạo của lãnh đạo. Các bị cáo cũng không có hưởng lợi, bị cáo H đã cùng với bị Bôn khắc phục hậu quả. Các bị

cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, thoả mãn các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-3-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trang Hoàng S, Trần Trọng H và bị cáo Nguyễn Thị TH; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn B; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo H, bị cáo TH, bị cáo S không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Bỏn được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn B;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trang Hoàng S; Trần Trọng H; Nguyễn Thị TH;

Sửa bản án sơ thẩm số: 33/2023/HS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh

2. Tuyên bố bị cáo Trần Văn B, Trang Hoàng S, Trần Trọng H, Nguyễn Thị TH phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2.1 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.2 Căn cứ điểm b khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 41, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trang Hoàng S 01 (một) năm tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (02-8-2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục, gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay

đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Cấm bị cáo Trang Hoàng S đảm nhiệm chức vụ Kế toán 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Căn cứ điểm b khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 41, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Trọng H 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (02-8-2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục, gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Cấm bị cáo Trần Trọng H đảm nhiệm chức vụ nhân viên thu tiền 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.4 Căn cứ điểm b khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 41, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị TH 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (02-8-2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục, gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị TH đảm nhiệm chức vụ thủ quỹ 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Trần Trọng H, bị cáo Nguyễn Thị TH, bị cáo Trang Hoàng S không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Trần Văn B được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã kí

Hồ Văn Cường Phạm Văn Tâm

Phạm Văn Diệp

